

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRUNG TÂM PHỤC VỤ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HÀNH CHÍNH CÔNG

Số: 752 /QĐ-TTPVHCC

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết 08 thủ tục hành chính áp dụng cơ chế “làn xanh” thuộc thẩm quyền tham mưu, giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: số 06/CT-TTg ngày 10/3/2025 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để chủ động thích ứng linh hoạt, kịp thời, phù hợp, hiệu quả với tình hình thế giới, khu vực nhằm đạt được các mục tiêu tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế trong năm 2025 và những năm tiếp theo; số 10/CT-TTg ngày 25/3/2025 về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của UBND Thành phố quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 25/3/2025 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố thực hiện Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính; Phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính; Phê duyệt phương án tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính; Phê duyệt quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi quản lý của UBND Thành phố;

Căn cứ Văn bản số 991/UBND-TH ngày 19/3/2025 của UBND Thành phố về việc chỉ đạo phân luồng, rút ngắn thời gian xử lý đối với các nhóm hồ sơ thủ tục công việc nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng GRDP trên 8% của thành phố;

Căn cứ Quyết định số 2186/QĐ-UBND ngày 24/4/2025 của UBND Thành phố về việc thông qua phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tham mưu, giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 667/QĐ-TTPVHCC ngày 28/4/2025 của Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội công bố Danh mục 08 thủ tục hành chính áp dụng cơ chế “làn xanh” thuộc thẩm quyền tham mưu, giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 1368/TTr-STP ngày 29/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 08 quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính áp dụng cơ chế “làn xanh” thuộc thẩm quyền tham mưu, giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội.

(chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử để phục vụ việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính được phê duyệt tại Quyết định này thay thế các quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính được phê duyệt tại các Quyết định của Chủ tịch UBND Thành phố:

- Các quy trình: QT-09; QT-10; QT-40; QT-41; QT-72; QT-75 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 4297/QĐ-UBND ngày 19/8/2024.

- Các quy trình: QT-93; QT-94 tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 18/3/2025.

Điều 4. Sở Tư pháp, Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố, các Sở, ban, ngành Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
 - Bộ Tư pháp;
 - Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
 - Cổng Thông tin điện tử Thành phố;
 - Trung tâm PVHCC: GD, PGD,
 - các phòng HCQT, TCT, KSTTHC;
 - Lưu: VT, Sở TP, TTPVHCC.
- (để báo cáo)

GIÁM ĐỐC



Cù Ngọc Trang

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT 08 TTHC ÁP DỤNG CƠ CHẾ “LÀN XANH”
THUỘC THẨM QUYỀN THAM MƯU, GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPVHCC ngày tháng năm 2025
của Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội)

I. Lĩnh vực Luật sư

1. Hợp nhất công ty luật (QT-09)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thẩm định, hợp nhất công ty luật		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức hành nghề luật sư trên địa bàn thành phố; công chức thuộc Sở Tư pháp		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Luật luật sư năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư năm 2012; 2. Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật luật sư; 3. Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư; 4. Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 Thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực Bỏ trợ tư pháp; 5. Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: số 06/CT-TTg ngày 10/3/2025 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để chủ động thích ứng linh hoạt, kịp thời, phù hợp, hiệu quả với tình hình thế giới, khu vực nhằm đạt được các mục tiêu tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế trong năm 2025 và những năm tiếp theo; số 10/CT-TTg ngày 25/3/2025 về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; 6. Quyết định số 2186/QĐ-UBND ngày 24/4/2025 của UBND Thành phố về việc thông qua phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tham mưu, giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội; Quyết định số 667/QĐ-TTPVHCC ngày 28/4/2025 của Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục 08 thủ tục hành chính áp dụng cơ chế “làn xanh” thuộc thẩm quyền tham mưu, giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Giấy đề nghị hợp nhất công ty luật;	x	
	2. Hợp đồng hợp nhất, trong đó phải quy định rõ về thủ tục, thời hạn và điều kiện hợp nhất; phương án sử dụng lao động; việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các công ty luật bị hợp nhất;	x	

	3. Giấy đăng ký hoạt động của các công ty luật bị hợp nhất;	x		
	4. Điều lệ của công ty luật hợp nhất.	x		
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
3.5	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả			
	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả theo thông báo của Cơ quan có thẩm quyền			
3.6	Phí/Lệ phí			
	Không quy định			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết, công chức bộ phận một cửa lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác, công chức tiếp nhận hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định; - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, công chức tiếp nhận phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ.	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả (mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (mẫu số 03).
B2	Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa	0,5 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (mẫu số 05)
B3	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng	01 giờ	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Thẩm định hồ sơ: Chuyên viên giải quyết hồ sơ tiến hành xem xét, trình lãnh đạo Phòng phê duyệt.	Chuyên viên giải quyết hồ sơ	1,5 ngày	- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: + Hồ sơ; + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ;

				+ Thông báo và ĐKHD của công ty luật hợp nhất. - Trường hợp hồ sơ chưa hoặc không đủ điều kiện: + Hồ sơ; + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; + Dự thảo Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ. - Trường hợp chậm, muộn): + Hồ sơ; + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; + Thông báo và ĐKHD của công ty luật hợp nhất; + Phiếu xin lỗi.
B5	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký xác nhận, trình lãnh đạo Sở phê duyệt.	Lãnh đạo Phòng	0,5 ngày	- Hồ sơ; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; - Thông báo; - ĐKHD của công ty luật hợp nhất; - Văn bản từ chối cấp ĐKHD.
B6	Lãnh đạo Sở xét duyệt hồ sơ: - Trường hợp đủ điều kiện: ký Giấy đăng ký hoạt động; - Trường hợp không đủ điều kiện: Lãnh đạo Sở ký văn bản từ chối cấp Giấy đăng ký hoạt động.	Lãnh đạo Sở	01 ngày	Hồ sơ; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; - Thông báo; - ĐKHD của công ty luật hợp nhất; - Văn bản từ chối cấp ĐKHD.
B7	Hoàn thiện hồ sơ, phát hành văn bản	Chuyên viên giải quyết hồ sơ/văn thư	02 giờ	- Hồ sơ; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; - Thông báo; - ĐKHD của công ty luật hợp nhất; - Văn bản từ chối cấp ĐKHD.
B8	Bàn giao kết quả cho Bộ phận Một cửa hoặc Đại diện Trung tâm phục vụ Hành chính công.	Chuyên viên giải quyết hồ	01 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; - Thông báo;

		sơ/Bộ phận một cửa		- ĐKHD của công ty luật hợp nhất; - Văn bản từ chối cấp ĐKHD.
B9	Thống kê và theo dõi: Chuyên viên Sở Tư pháp có trách nhiệm thống kê các TTHC thực hiện tại đơn vị vào Sổ thống kê kết quả thực hiện	Bộ phận một cửa/Phòng BTTP/Văn thư	Giờ hành chính	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ.
4	Biểu mẫu			
-	Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ.			
-	Mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.			

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ HỢP NHẤT/SÁP NHẬP CÔNG TY LUẬT VIỆT NAM

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh (thành phố)

Chúng tôi là (ghi bằng chữ in hoa)

.....

người đại diện theo pháp luật của các công ty luật (tất cả các công ty luật tham gia hợp nhất/sáp nhập phải ghi đầy đủ các thông tin như sau):

Tên đầy đủ của công ty luật (ghi bằng chữ in hoa):

Giấy đăng ký hoạt động số: do Sở Tư pháp tỉnh (thành phố)

.....cấp ngày: / /

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Đề nghị Sở Tư pháp chấp thuận cho công ty chúng tôi hợp nhất/sáp nhập với nội dung như sau:

1. Tên công ty luật hình thành sau hợp nhất/sáp nhập (tên gọi đầy đủ ghi bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Người đại diện theo pháp luật dự kiến (có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật đối với công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật thì ghi đầy đủ thông tin như người đại diện thứ nhất):

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):.....

Giới tính (1):.....Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Số Chứng minh nhân dân/Số Thẻ Căn cước công dân/Số định danh cá nhân:

Ngày, tháng, năm cấp (2):/...../.....Nơi cấp (3):.....
(đối với Chứng minh nhân dân, Thẻ Căn cước công dân)

Nơi thường trú (4):

Nơi ở hiện tại (5):

Thẻ luật sư sốdo Liên đoàn Luật sư Việt Nam cấp ngày:...../...../.....

Là thành viên Đoàn Luật sư tỉnh (thành phố):

4. Danh sách luật sư thành viên dự kiến

Stt	Họ tên (ghi bằng chữ in hoa)	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Thẻ luật sư (ghi rõ số và ngày cấp)	Thành viên Đoàn Luật sư tỉnh (thành phố)	Số điện thoại

5. Mẫu chữ ký của người dự kiến là Giám đốc công ty sau khi hợp nhất/sáp nhập:

Chữ ký mẫu thứ nhất	Chữ ký mẫu thứ hai
Họ và tên:	Họ và tên:

Chúng tôi cam đoan nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ do pháp luật quy định./.

Tỉnh (thành phố)....., ngày..... tháng.... năm

Người đại diện theo pháp luật
(Chữ ký/chữ ký số, họ tên, chức vụ; dấu/chữ
ký số của tổ chức)

Người đại diện theo pháp luật
(Chữ ký/chữ ký số, họ tên, chức vụ; dấu/chữ
ký số của tổ chức)

Ghi chú:

1. Các thông tin số (1), (2), (3), (4), (5):

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.

- Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính): người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ trong biểu mẫu.

2. Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

2. Sáp nhập công ty luật (QT-10)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thẩm định, sáp nhập công ty luật		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức hành nghề luật sư trên địa bàn thành phố; công chức thuộc Sở Tư pháp		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Luật luật sư năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư năm 2012; 2. Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật luật sư; 3. Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư; 4. Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 Thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực Bảo trợ tư pháp; 5. Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: số 06/CT-TTg ngày 10/3/2025 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đề chủ động thích ứng linh hoạt, kịp thời, phù hợp, hiệu quả với tình hình thế giới, khu vực nhằm đạt được các mục tiêu tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế trong năm 2025 và những năm tiếp theo; số 10/CT-TTg ngày 25/3/2025 về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; 6. Quyết định số 2186/QĐ-UBND ngày 24/4/2025 của UBND Thành phố về việc thông qua phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tham mưu, giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội; Quyết định số 667/QĐ-TTPVHCC ngày 28/4/2025 của Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục 08 thủ tục hành chính áp dụng cơ chế “làn xanh” thuộc thẩm quyền tham mưu, giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Giấy đề nghị sáp nhập công ty luật;	x	
	2. Hợp đồng sáp nhập công ty luật, trong đó phải quy định rõ về thủ tục, thời hạn và điều kiện sáp nhập; phương án sử dụng lao động; việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các công ty luật bị sáp nhập;	x	
	3. Giấy đăng ký hoạt động của các công ty luật bị sáp nhập và công ty luật nhận sáp nhập.	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
3.5	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả		
	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả theo thông báo của Cơ quan có thẩm quyền		
3.6	Phí/Lệ phí		

	Không quy định			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết, công chức bộ phận một cửa lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác, công chức tiếp nhận hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định; - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, công chức tiếp nhận phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ.	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả (mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (mẫu số 03).
B2	Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa	0,5 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (mẫu số 05)
B3	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng	01 giờ	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Thẩm định hồ sơ: Chuyên viên giải quyết hồ sơ tiến hành xem xét, trình lãnh đạo Phòng phê duyệt.	Chuyên viên giải quyết hồ sơ	1,5 ngày	- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: + Hồ sơ; + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; + Thông báo và ĐKHD của công ty luật nhận sáp nhập. - Trường hợp hồ sơ chưa hoặc không đủ điều kiện: + Hồ sơ; + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; + Dự thảo Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ. - Trường hợp chậm, muộn): + Hồ sơ; + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ;

				+ Thông báo và ĐKHD của công ty luật nhận sáp nhập; + Phiếu xin lỗi.
B5	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký xác nhận, trình lãnh đạo Sở phê duyệt.	Lãnh đạo Phòng	0,5 ngày	Hồ sơ; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; - Thông báo; - ĐKHD của công ty luật nhận sáp nhập; - Văn bản từ chối cấp ĐKHD.
B6	Lãnh đạo Sở xét duyệt hồ sơ: - Trường hợp đủ điều kiện: ký Giấy đăng ký hoạt động; - Trường hợp không đủ điều kiện: Lãnh đạo Sở ký văn bản từ chối cấp Giấy đăng ký hoạt động.	Lãnh đạo Sở	01 ngày	- Hồ sơ; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; - Thông báo; - ĐKHD của công ty luật nhận sáp nhập; - Văn bản từ chối cấp ĐKHD.
B7	Hoàn thiện hồ sơ, phát hành văn bản	Chuyên viên giải quyết hồ sơ/văn thư	02 giờ	- Hồ sơ; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; - Thông báo; - ĐKHD của công ty luật nhận sáp nhập; - Văn bản từ chối cấp ĐKHD.
B8	Bàn giao kết quả cho Bộ phận Một cửa hoặc Đại diện Trung tâm phục vụ Hành chính công.	Chuyên viên giải quyết hồ sơ/Bộ phận một cửa	01 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; - Thông báo; - ĐKHD của công ty luật nhận sáp nhập; - Văn bản từ chối cấp ĐKHD.
B9	Thống kê và theo dõi: Chuyên viên Sở Tư pháp có trách nhiệm thống kê các TTHC thực hiện tại đơn vị vào Sổ thống kê kết quả thực hiện	Bộ phận một cửa/Phòng BTTP/Văn thư	Giờ hành chính	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ.
4	Biểu mẫu			
-	Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ.			
-	Mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.			

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ HỢP NHẤT/SÁP NHẬP CÔNG TY LUẬT VIỆT NAM

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh (thành phố)

Chúng tôi là (ghi bằng chữ in hoa)

.....
người đại diện theo pháp luật của các công ty luật (tất cả các công ty luật tham gia hợp nhất/sáp nhập phải ghi đầy đủ các thông tin như sau):

Tên đầy đủ của công ty luật (ghi bằng chữ in hoa):

Giấy đăng ký hoạt động số: do Sở Tư pháp tỉnh (thành phố)

.....cấp ngày: / /

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Đề nghị Sở Tư pháp chấp thuận cho công ty chúng tôi hợp nhất/sáp nhập với nội dung như sau:

1. Tên công ty luật hình thành sau hợp nhất/sáp nhập (tên gọi đầy đủ ghi bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Người đại diện theo pháp luật dự kiến (có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật đối với công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật thì ghi đầy đủ thông tin như người đại diện thứ nhất):

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Giới tính (1):.....Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Số Chứng minh nhân dân/Số Thẻ Căn cước công dân/Số định danh cá nhân:

Ngày, tháng, năm cấp (2):/...../.....Nơi cấp (3):.....
(đối với Chứng minh nhân dân, Thẻ Căn cước công dân)

Nơi thường trú (4):

Nơi ở hiện tại (5):

Thẻ luật sư sốdo Liên đoàn Luật sư Việt Nam cấp ngày:...../...../.....

Là thành viên Đoàn Luật sư tỉnh (thành phố):

4. Danh sách luật sư thành viên dự kiến

Stt	Họ tên (ghi bằng chữ in hoa)	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Thẻ luật sư (ghi rõ số và ngày cấp)	Thành viên Đoàn Luật sư tỉnh (thành phố)	Số điện thoại

5. Mẫu chữ ký của người dự kiến là Giám đốc công ty sau khi hợp nhất/sáp nhập:

Chữ ký mẫu thứ nhất	Chữ ký mẫu thứ hai
Họ và tên:	Họ và tên:

Chúng tôi cam đoan nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ do pháp luật quy định./.

Tỉnh (thành phố)....., ngày..... tháng.... năm

Người đại diện theo pháp luật
(Chữ ký/chữ ký số, họ tên, chức vụ; dấu/chữ ký số của tổ chức)

Người đại diện theo pháp luật
(Chữ ký/chữ ký số, họ tên, chức vụ; dấu/chữ ký số của tổ chức)

Ghi chú:

1. Các thông tin số (1), (2), (3), (4), (5):

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.

- Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính): người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ trong biểu mẫu.

2. Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

II. Lĩnh vực Trọng tài thương mại

1. Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác (QT-40)

1	Mục đích: Quy định trình tự tiếp nhận, thẩm định và cấp Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài thương mại		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với Trung tâm trọng tài thương mại trên địa bàn thành phố; công chức thuộc Sở Tư pháp		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Luật Trọng tài thương mại năm 2010; 2. Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trọng tài thương mại; Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của NĐ số 63/2011/NĐ-CP; 3. Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012 của Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động trọng tài thương mại; 4. Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề trong lĩnh vực trọng tài thương mại; 5. Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 Thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp. 6. Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: số 06/CT-TTg ngày 10/3/2025 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để chủ động thích ứng linh hoạt, kịp thời, phù hợp, hiệu quả với tình hình thế giới, khu vực nhằm đạt được các mục tiêu tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế trong năm 2025 và những năm tiếp theo; số 10/CT-TTg ngày 25/3/2025 về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; 7. Quyết định số 2186/QĐ-UBND ngày 24/4/2025 của UBND Thành phố về việc thông qua phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tham mưu, giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội; Quyết định số 667/QĐ-TTPVHCC ngày 28/4/2025 của Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục 08 thủ tục hành chính áp dụng cơ chế “làn xanh” thuộc thẩm quyền tham mưu, giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Đơn đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài (mẫu số 04/TP-TTTM-sđ)	x	
	Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài		x
	Điều lệ trung tâm trọng tài		x
3.3	Số lượng hồ sơ		

	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
3.5	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả			
	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả theo thông báo của Cơ quan có thẩm quyền			
3.6	Phí/Lệ phí			
	1.500.000 đồng			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết, công chức bộ phận một cửa lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác, công chức tiếp nhận hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định; - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, công chức tiếp nhận phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ.	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- Hồ sơ theo mục 3.2; - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả (mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (mẫu số 03).
B2	Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa	02 giờ	- Hồ sơ theo mục 3.2; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (mẫu số 05)
B3	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng	02 giờ	- Hồ sơ theo mục 3.2; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (mẫu số 05)
B4	Thẩm định hồ sơ: Chuyên viên giải quyết hồ sơ tiến hành xem xét, trình lãnh đạo Phòng phê duyệt.	Chuyên viên giải quyết hồ sơ	2,5 ngày	- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: + Hồ sơ; + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; + Giấy đăng ký hoạt động.

				- Trường hợp hồ sơ chưa hoặc không đủ điều kiện: + Hồ sơ; + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; + Dự thảo Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ. - Trường hợp chậm, muộn: + Hồ sơ; + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; + Giấy đăng ký hoạt động; + Phiếu xin lỗi.
B5	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký xác nhận, trình lãnh đạo Sở phê duyệt.	Lãnh đạo Phòng	01 ngày	- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: + Hồ sơ; + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; + Giấy đăng ký hoạt động. - Trường hợp hồ sơ chưa hoặc không đủ điều kiện: + Hồ sơ; + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; + Dự thảo Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.
B6	Lãnh đạo Sở xét duyệt hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: ký Giấy đăng ký hoạt động. - Trường hợp không đủ điều kiện: ký văn bản từ chối cấp Giấy đăng ký hoạt động.	Lãnh đạo Sở	1,5 ngày	- Hồ sơ; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; - Giấy đăng ký hoạt động.

B7	Hoàn thiện hồ sơ, phát hành văn bản	Chuyên viên giải quyết hồ sơ/văn thư	02 giờ	- Hồ sơ; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; - Giấy đăng ký hoạt động.
B8	Bàn giao kết quả cho Bộ phận Một cửa hoặc Đại diện Trung tâm phục vụ Hành chính công.	Chuyên viên giải quyết hồ sơ/Bộ phận một cửa	02 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; - Giấy đăng ký hoạt động.
B9	Thống kê và theo dõi: Chuyên viên Sở Tư pháp có trách nhiệm thống kê các TTHC thực hiện tại đơn vị vào Sổ thống kê kết quả thực hiện	Bộ phận một cửa/Phòng BTTP/Văn thư	Giờ hành chính	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ.
B10	Biểu mẫu			
-	Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ.			
-	Mẫu 04/TP-TTMM-sđ ban hành kèm theo Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TRUNG TÂM TRỌNG TÀI

Kính gửi: Sở Tư pháp¹.....

Tên Trung tâm trọng tài (ghi bằng chữ in hoa):

Giấy phép thành lập số:

Do Bộ Tư pháp cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên Trung tâm trọng tài (ghi bằng chữ in hoa):

Tên viết tắt:

Tên giao dịch bằng tiếng Anh (nếu có):

2. Trụ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Email:

Website (nếu có):.....

3. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính (2):.....

Chức vụ:

Ngày, tháng, năm sinh:.....Quốc tịch (3):.....

Điện thoại:..... Email:.....

Số Chứng minh nhân dân/Số Thẻ căn cước công dân/Số định danh cá nhân:

Nơi cấp (4): Ngày, tháng, năm cấp (5): (đối với
Chứng minh nhân dân, Thẻ Căn cước công dân)

4. Lĩnh vực hoạt động.....

Chúng tôi xin cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung khai trong hồ sơ đăng ký hoạt động; chúng tôi cam đoan hoạt động đúng theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Trung tâm.

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

1

2.
3.
.....

Tỉnh (thành phố), ngày.....thángnăm.....
Người đại diện theo pháp luật của Trung tâm trọng tài

(Chữ ký/chữ ký số, họ tên)

Ghi chú:

1. Thông tin số (1): Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chính Trung tâm trọng tài.
2. Các thông tin số (2), (3), (4), (5):
 - Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.
 - Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính): người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ trong biểu mẫu.
3. Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

2. Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác (QT-41)

1	Mục đích: Quy định trình tự tiếp nhận, thẩm định và cấp Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài thương mại		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với Trung tâm trọng tài thương mại trên địa bàn thành phố; công chức thuộc Sở Tư pháp		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Luật Trọng tài thương mại năm 2010; 2. Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trọng tài thương mại; Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của NĐ số 63/2011/NĐ-CP; 3. Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012 của Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động trọng tài thương mại; 4. Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề trong lĩnh vực trọng tài thương mại; 5. Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 Thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp. 6. Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: số 06/CT-TTg ngày 10/3/2025 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để chủ động thích ứng linh hoạt, kịp thời, phù hợp, hiệu quả với tình hình thế giới, khu vực nhằm đạt được các mục tiêu tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế trong năm 2025 và những năm tiếp theo; số 10/CT-TTg ngày 25/3/2025 về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; 7. Quyết định số 2186/QĐ-UBND ngày 24/4/2025 của UBND Thành phố về việc thông qua phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tham mưu, giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội; Quyết định số 667/QĐ-TTPVHCC ngày 28/4/2025 của Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục 08 thủ tục hành chính áp dụng cơ chế “làn xanh” thuộc thẩm quyền tham mưu, giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Đơn đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài (mẫu số 05/TP-TTTM-sđ)	x	
	Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài		x

	Quyết định thành lập Chi nhánh	x		
	Quyết định về việc cử Trưởng chi nhánh	x		
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
3.5	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả			
	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả theo thông báo của Cơ quan có thẩm quyền			
3.6	Phí/Lệ phí			
	1.000.000 đồng			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết, công chức bộ phận một cửa lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác, công chức tiếp nhận hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định; - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, công chức tiếp nhận phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ.	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- Hồ sơ theo mục 3.2; - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả (mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (mẫu số 03).
B2	Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa	03 giờ	- Hồ sơ theo mục 3.2; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (mẫu số 05)

B3	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng	01 giờ	- Hồ sơ theo mục 3.2; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (mẫu số 05)
B4	Thẩm định hồ sơ: Chuyên viên giải quyết hồ sơ tiến hành xem xét, trình lãnh đạo Phòng phê duyệt.	Chuyên viên giải quyết hồ sơ	1,5 ngày	- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: + Hồ sơ; + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; + Giấy đăng ký hoạt động. - Trường hợp hồ sơ chưa hoặc không đủ điều kiện: + Hồ sơ; + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; + Dự thảo Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ. - Trường hợp chậm, muộn: + Hồ sơ; + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; + Giấy đăng ký hoạt động; + Phiếu xin lỗi.
B5	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký xác nhận, trình lãnh đạo Sở phê duyệt.	Lãnh đạo Phòng	0,5 ngày	- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: + Hồ sơ;

				+ Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; + Giấy đăng ký hoạt động. - Trường hợp hồ sơ chưa hoặc không đủ điều kiện: + Hồ sơ; + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; + Dự thảo Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.
B6	Lãnh đạo Sở xét duyệt hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: ký Giấy đăng ký hoạt động. - Trường hợp không đủ điều kiện: ký văn bản từ chối cấp Giấy đăng ký hoạt động.	Lãnh đạo Sở	01 ngày	- Hồ sơ; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; - Giấy đăng ký hoạt động.
B7	Hoàn thiện hồ sơ, phát hành văn bản	Chuyên viên giải quyết hồ sơ/văn thư	03 giờ	- Hồ sơ; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; - Giấy đăng ký hoạt động.
B8	Bàn giao kết quả cho Bộ phận Một cửa hoặc Đại diện Trung tâm phục vụ Hành chính công.	Chuyên viên giải quyết hồ sơ/Bộ phận một cửa	01 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; - Giấy đăng ký hoạt động.
B9	Thống kê và theo dõi: Chuyên viên Sở Tư pháp có trách nhiệm thống kê các TTHC thực hiện tại đơn vị vào Sổ thống kê kết quả thực hiện	Bộ phận một cửa/Phòng BTTP/Văn thư	Giờ hành chính	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ.

B10	Biểu mẫu			
-	Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ.			
-	Mẫu 05/TP-TTMM-sđ ban hành kèm theo Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH CỦA TRUNG TÂM TRỌNG TÀI/CHI NHÁNH TỔ CHỨC TRỌNG TÀI NƯỚC
NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Kính gửi: Sở Tư pháp.....

Tên Trung tâm trọng tài/Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (*ghi bằng chữ in hoa*):

.....

Địa chỉ trụ sở chính:

.....

Điện thoại:.....

Email:

Website (*nếu có*):.....

Giấy phép thành lập số:

Do Bộ Tư pháp cấp ngày..... tháng..... năm.....
tại.....

Đề nghị đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài/Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên Chi nhánh:

.....

Tên viết tắt:

.....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh (*nếu có*):

.....

2. Trụ sở Chi nhánh:

Địa chỉ:

.....

.....
Điện thoại: Email:

3. Trưởng Chi nhánh:

Họ và tên: Giới tính (1):

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch (2):

Điện thoại: Email:

Số Chứng minh nhân dân/Số Thẻ Căn cước công dân/Số định danh cá nhân (đối với công dân Việt Nam):

Nơi cấp (3): Ngày, tháng, năm cấp (4): (đối với Chứng minh nhân dân, Thẻ Căn cước công dân)

Số Hộ chiếu (đối với người nước ngoài):

Nơi cấp: Ngày, tháng, năm cấp:

4. Lĩnh vực hoạt động của Chi nhánh:

.....
.....
.....
.....
.....

Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung khai trong hồ sơ đăng ký hoạt động; hoạt động đúng nội dung trong Giấy đăng ký, đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Chi nhánh.

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

1

2

.....

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

Người đại diện theo pháp luật của Trung tâm trọng
tài/Trưởng Chi nhánh tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt
Nam

(Chữ ký/chữ ký số, họ tên; dấu/chữ ký số của tổ chức)

Ghi chú:

1. Các thông tin số (1), (2), (3), (4):

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.

- Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính): người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ trong biểu mẫu.

2. Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

III. Lĩnh vực Đấu giá tài sản

1. Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản (QT-72)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thẩm định, cấp Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản, đấu giá viên hành nghề đấu giá trên địa bàn thành phố; công chức thuộc Sở Tư pháp		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Luật Đấu giá tài sản năm 2016; Luật số 37/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; 2. Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu giá tài sản; 3. Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp quy định về chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá, cơ sở đào tạo nghề đấu giá, việc tập sự và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá và biểu mẫu trong lĩnh vực đấu giá tài sản; 4. Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15; 5. Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn hành nghề đấu giá tài sản, phí thẩm định điều kiện đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản. 6. Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: số 06/CT-TTg ngày 10/3/2025 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để chủ động thích ứng linh hoạt, kịp thời, phù hợp, hiệu quả với tình hình thế giới, khu vực nhằm đạt được các mục tiêu tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế trong năm 2025 và những năm tiếp theo; số 10/CT-TTg ngày 25/3/2025 về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; 7. Quyết định số 2186/QĐ-UBND ngày 24/4/2025 của UBND Thành phố về việc thông qua phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tham mưu, giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội; Quyết định số 667/QĐ-TTPVHCC ngày 28/4/2025 của Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục 08 thủ tục hành chính áp dụng cơ chế “làn xanh” thuộc thẩm quyền tham mưu, giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Giấy đề nghị đăng ký hoạt động doanh nghiệp đấu giá tài sản (mẫu TP-ĐGTS-07) ban hành kèm theo Thông tư 19/2024/TT-BTP	X	
	Điều lệ của doanh nghiệp đối với công ty đấu giá hợp danh	X	
	Chứng chỉ hành nghề đấu giá của chủ doanh nghiệp đấu giá tư nhân, thành viên hợp danh, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty đấu giá hợp danh		X

	Giấy tờ chứng minh về trụ sở của doanh nghiệp đầu giá tài sản, cam kết bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết cho hoạt động đầu giá tài sản			X
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
3.5	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả			
	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả theo thông báo của Cơ quan có thẩm quyền			
3.6	Phí/Lệ phí			
	1.000.000 đồng			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết, công chức bộ phận một cửa lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác, công chức tiếp nhận hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định; - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, công chức tiếp nhận phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ.	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- Hồ sơ theo mục 3.2; - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả (mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (mẫu số 03).
B2	Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa	0,5 ngày	- Hồ sơ theo mục 3.2; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (mẫu số 05)
B3	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng	01 giờ	- Hồ sơ theo mục 3.2; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (mẫu số 05)
B4	Thẩm định hồ sơ: Chuyên viên giải quyết hồ sơ tiến hành xem xét, trình lãnh đạo Phòng phê duyệt.	Chuyên viên giải quyết hồ sơ	1,5 ngày	- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: + Hồ sơ; + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; + Giấy đăng ký hoạt động. - Trường hợp hồ sơ chưa hoặc không đủ điều kiện:

				+ Hồ sơ; + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; + Dự thảo Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ. - Trường hợp chậm, muộn): + Hồ sơ; + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; + Giấy đăng ký hoạt động; + Phiếu xin lỗi.
B5	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký xác nhận, trình lãnh đạo Sở phê duyệt.	Lãnh đạo Phòng	0,5 ngày	- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: + Hồ sơ; + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; + Giấy đăng ký hoạt động. - Trường hợp hồ sơ chưa hoặc không đủ điều kiện: + Hồ sơ; + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; + Dự thảo Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ. - Trường hợp chậm, muộn): + Hồ sơ; + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; + Giấy đăng ký hoạt động; + Phiếu xin lỗi.
B6	Lãnh đạo Sở xét duyệt hồ sơ: - Trường hợp đủ điều kiện: ký Giấy đăng ký hoạt động; - Trường hợp không đủ điều kiện: Lãnh đạo Sở ký văn bản từ chối cấp Giấy đăng ký hoạt động.	Lãnh đạo Sở	01 ngày	- Hồ sơ; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; - Giấy đăng ký hoạt động; - Văn bản từ chối cấp Giấy đăng ký hoạt động.
B7	Hoàn thiện hồ sơ, phát hành văn bản	Chuyên viên giải quyết hồ sơ/văn thư	02 giờ	- Hồ sơ; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; - Giấy đăng ký hoạt động;

				- Văn bản từ chối cấp Giấy đăng ký hoạt động.
B8	Bàn giao kết quả cho Bộ phận Một cửa hoặc Đại diện Trung tâm phục vụ Hành chính công.	Chuyên viên giải quyết hồ sơ/Bộ phận một cửa	01 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; - Giấy đăng ký hoạt động; - Văn bản từ chối cấp Giấy đăng ký hoạt động.
B9	Thống kê và theo dõi: Chuyên viên Sở Tư pháp có trách nhiệm thống kê các TTHC thực hiện tại đơn vị vào Sổ thống kê kết quả thực hiện	Bộ phận một cửa/Phòng BTTP/Văn thư	Giờ hành chính	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ.
4	Biểu mẫu			
-	Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ.			
-	Mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp.			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh (thành phố).....

Tôi tên là:.....Giới tính (1):

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....Quốc tịch (2):.....

Nơi thường trú (3):

Nơi ở hiện tại (4):

Điện thoại:..... Email:

Số Thẻ căn cước công dân/Số định danh cá nhân:.....

Ngày, tháng, năm cấp (5):...../...../..... Nơi cấp (6):

Đề nghị đăng ký hoạt động doanh nghiệp đấu giá tài sản với các nội dung sau đây:

1. Tên doanh nghiệp đấu giá tài sản (tên gọi ghi bằng chữ in hoa):

.....

Tên giao dịch (nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:.....Fax:.....Email:

Website:

2. Chủ doanh nghiệp tư nhân đối với doanh nghiệp tư nhân/ Thành viên hợp danh, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc là đấu giá viên đối với công ty hợp danh:

a) Họ và tên:..... Giới tính (7):

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Số Thẻ Căn cước công dân/Số định danh cá nhân :.....

Ngày, tháng, năm cấp (8):...../...../..... Nơi cấp (9):

Nơi thường trú (10):

Nơi ở hiện tại (11):

Chứng chỉ hành nghề đấu giá số:..... ngày cấp...../...../...

b) Họ và tên:

Giới tính (12):

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Số Thẻ Căn cước công dân/Số định danh cá nhân:.....

Ngày, tháng, năm cấp (13):...../...../..... Nơi cấp (14):.....
 Nơi thường trú (15):
 Nơi ở hiện tại (16):
 Chứng chỉ hành nghề đấu giá số:..... ngày cấp/...../
 3. Danh sách đấu giá viên hành nghề trong doanh nghiệp đấu giá tài sản (nếu có):

STT	Họ tên	Năm sinh	Chứng chỉ hành nghề đấu giá (ghi rõ số, ngày cấp)	Địa chỉ, số điện thoại liên hệ
1				
2				
3				
4				
5				

Tỉnh (thành phố), ngày... tháng... năm...

Người đề nghị

(Chữ ký/chữ ký số, họ tên)

Ghi chú:

1. Các thông tin số (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (14), (15), (16):

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.

- Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính): người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ trong biểu mẫu.

2. Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

2. Đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản (QT-75)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thẩm định, cấp Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản trên địa bàn thành phố; công chức thuộc Sở Tư pháp		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Luật Đấu giá tài sản năm 2016; Luật số 37/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; 2. Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu giá tài sản; 3. Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp quy định về chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá, cơ sở đào tạo nghề đấu giá, việc tập sự và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá và biểu mẫu trong lĩnh vực đấu giá tài sản; 4. Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15; 5. Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn hành nghề đấu giá tài sản, phí thẩm định điều kiện đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản. 6. Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: số 06/CT-TTg ngày 10/3/2025 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để chủ động thích ứng linh hoạt, kịp thời, phù hợp, hiệu quả với tình hình thế giới, khu vực nhằm đạt được các mục tiêu tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế trong năm 2025 và những năm tiếp theo; số 10/CT-TTg ngày 25/3/2025 về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; 7. Quyết định số 2186/QĐ-UBND ngày 24/4/2025 của UBND Thành phố về việc thông qua phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tham mưu, giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội; Quyết định số 667/QĐ-TTPVHCC ngày 28/4/2025 của Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục 08 thủ tục hành chính áp dụng cơ chế “làn xanh” thuộc thẩm quyền tham mưu, giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Giấy đề nghị đăng ký hoạt động doanh nghiệp đấu giá tài sản (mẫu TP-ĐGTS-08) ban hành kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP	X	
	Điều lệ của doanh nghiệp đối với công ty đấu giá hợp danh	X	
	Chứng chỉ hành nghề đấu giá của chủ doanh nghiệp đấu giá tư nhân, thành viên hợp danh, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty đấu giá hợp danh		X
	Giấy tờ chứng minh về trụ sở của doanh nghiệp đấu giá tài sản, cam kết bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết cho hoạt động đấu giá tài sản		X

3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
3.5	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả			
	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả theo thông báo của Cơ quan có thẩm quyền			
3.6	Phí/Lệ phí			
	Không quy định			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết, công chức bộ phận một cửa lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả; - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác, công chức tiếp nhận hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định; - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, công chức tiếp nhận phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ.	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- Hồ sơ theo mục 3.2; - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả (mẫu số 01); - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (mẫu số 02); - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (mẫu số 03).
B2	Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa	01 giờ	- Hồ sơ theo mục 3.2; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (mẫu số 05)
B3	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng	01 giờ	- Hồ sơ theo mục 3.2; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (mẫu số 05)
B4	Thẩm định hồ sơ: Chuyên viên giải quyết hồ sơ tiến hành xem xét, trình lãnh đạo Phòng phê duyệt.	Chuyên viên giải quyết hồ sơ	01 ngày	- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: + Hồ sơ; + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; + Giấy đăng ký hoạt động. - Trường hợp hồ sơ chưa hoặc không đủ điều kiện: + Hồ sơ; + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ;

				+ Dự thảo Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ. - Trường hợp chậm, muộn): + Hồ sơ; + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; + Giấy đăng ký hoạt động; + Phiếu xin lỗi.
B5	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký xác nhận, trình lãnh đạo Sở phê duyệt.	Lãnh đạo Phòng	0,5 ngày	- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: + Hồ sơ; + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; + Giấy đăng ký hoạt động. - Trường hợp hồ sơ chưa hoặc không đủ điều kiện: + Hồ sơ; + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; + Dự thảo Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ. - Trường hợp chậm, muộn): + Hồ sơ; + Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; + Giấy đăng ký hoạt động; + Phiếu xin lỗi.
B6	Lãnh đạo Sở xét duyệt hồ sơ: - Trường hợp đủ điều kiện: ký Giấy đăng ký hoạt động; - Trường hợp không đủ điều kiện: Lãnh đạo Sở ký văn bản từ chối cấp Giấy đăng ký hoạt động.	Lãnh đạo Sở	01 ngày	- Hồ sơ; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; - Giấy đăng ký hoạt động; - Văn bản từ chối cấp Giấy đăng ký hoạt động.
B7	Hoàn thiện hồ sơ, phát hành văn bản	Chuyên viên giải quyết hồ sơ/văn thư	01 giờ	- Hồ sơ; - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; - Giấy đăng ký hoạt động; - Văn bản từ chối cấp Giấy đăng ký hoạt động.

B8	Bàn giao kết quả cho Bộ phận Một cửa hoặc Đại diện Trung tâm phục vụ Hành chính công.	Chuyên viên giải quyết hồ sơ/Bộ phận một cửa	01 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; - Giấy đăng ký hoạt động; - Văn bản từ chối cấp Giấy đăng ký hoạt động.
B9	Thống kê và theo dõi: Chuyên viên Sở Tư pháp có trách nhiệm thống kê các TTHC thực hiện tại đơn vị vào Sổ thống kê kết quả thực hiện	Bộ phận một cửa/Phòng BTTP/Văn thư	Giờ hành chính	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ.
B10	Biểu mẫu			
-	Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ.			
-	Mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp.			

**DOANH NGHIỆP
ĐẦU GIÁ TÀI SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CHI NHÁNH
DOANH NGHIỆP ĐẦU GIÁ TÀI SẢN**

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh (thành phố)

Tên gọi đầy đủ của doanh nghiệp đầu giá tài sản (*ghi bằng chữ in hoa*):

.....
...

Địa chỉ trụ sở:

.....

Điện thoại: Fax:.....

Giấy đăng ký hoạt động số:do Sở Tư pháp tỉnh (thành phố)

cấp ngày:/...../.....

Đăng ký hoạt động cho chi nhánh với nội dung sau đây:

1. Tên của chi nhánh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Địa chỉ trụ sở của chi nhánh:.....

.....

Điện thoại: Fax:.....

Website:.....

2. Trưởng chi nhánh:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):Giới tính (1)

Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Quốc tịch (2):.....

Số Thẻ căn cước công dân/Số định danh cá nhân:

Ngày, tháng, năm cấp (3):/...../.....Nơi cấp (4):

Nơi thường trú (5):

.....

Nơi ở hiện tại (6):

.....

Điện thoại: Email:

Chứng chỉ hành nghề đấu giá số: ngày cấp:...../...../

Chúng tôi xin cam đoan nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ do pháp luật quy định.

Tỉnh (thành phố), ngày... tháng... năm...

Người đại diện theo pháp luật

*(Chữ ký/chữ ký số, họ tên, chức vụ của người
đại diện, dấu/chữ ký số của tổ chức)*

Ghi chú:

1. Các thông tin số (1), (2), (3), (4), (5), (6):

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.

- Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính): người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ trong biểu mẫu.

2. Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

IV. Lĩnh vực Quốc tịch

1. Quy trình: Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam (QT-93)

1	Mục đích		
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam.		
2	Phạm vi		
	Áp dụng đối với cá nhân xin nhập quốc tịch Việt Nam. Công chức thuộc Sở Tư pháp, Văn phòng UBND Thành phố chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13/11/2008. - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực - Chỉ thị số 06/CT-Ttg ngày 10/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ , giải pháp trọng tâm để chủ động thích ứng linh hoạt, kịp thời, phù hợp, hiệu quả với tình hình thế giới, khu vực nhằm đạt được các mục tiêu tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế trong năm 2025 và những năm tiếp theo; số 10/CT-Ttg ngày 25/3/2025 về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu Sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. - Quyết định số 2186/QĐ-UBND ngày 24/4/2025 của UBND Thành phố về việc thông qua phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tham mưu, giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội; Quyết định số 667/QĐ-TTPVHCC ngày 28/4/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục 08 thủ tục hành chính áp dụng cơ chế “làn xanh” thuộc thẩm quyền tham mưu, giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam	X	
	Giấy khai sinh		X
	Hộ chiếu		X

	Bản khai lý lịch	X	
	Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam (<i>Sở Tư pháp chủ động yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu Lý lịch tư pháp cho người có yêu cầu xin nhập quốc tịch Việt Nam trong thời gian cư trú tại Việt Nam để hoàn thiện hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đã có Phiếu lý lịch tư pháp tại thời điểm nộp hồ sơ</i>); Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;	X	
	Giấy tờ chứng minh trình độ Tiếng Việt (bản sao văn bằng, chứng chỉ để chứng minh người đó đã học bằng tiếng Việt tại Việt Nam như bản sao bằng tiến sĩ, bằng thạc sĩ, bằng cử nhân hoặc bằng tốt nghiệp đại học, bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp (bao gồm bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp hoặc trung cấp chuyên nghiệp); bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở của Việt Nam; bản sao chứng chỉ tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài do cơ sở giáo dục của Việt Nam cấp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam không có giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Việt thì Sở Tư pháp tổ chức kiểm tra, phỏng vấn về khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Việt của người đó bảo đảm đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 16/2020/NĐ-CP. Thành phần tham gia phỏng vấn có đại diện của Sở Tư pháp và Sở Giáo dục và Đào tạo. Kết quả kiểm tra, phỏng vấn phải được lập thành văn bản. Những người trực tiếp kiểm tra, phỏng vấn chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, phỏng vấn và ý kiến đề xuất của mình		X
	Giấy tờ chứng minh về chỗ ở, thời gian thường trú ở Việt Nam (Bản sao Thẻ thường trú)		X
	Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền		X
	Giấy tờ chứng minh bảo đảm cuộc sống ở Việt Nam (gồm một trong các giấy tờ sau: giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản; giấy tờ do cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc xác nhận về mức lương hoặc thu nhập; giấy tờ bảo lãnh của tổ chức, cá nhân tại Việt Nam; giấy xác nhận của UBND cấp xã nơi thường trú về tình trạng nhà ở, công việc, thu nhập của người xin nhập quốc tịch Việt Nam.		X
	<i>Bản sao Giấy khai sinh của người con chưa thành niên cùng nhập quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.</i> <i>Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ nhập quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha</i>		X

	mẹ về việc xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia. Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.		
	- Những người được miễn một số điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì được miễn các giấy tờ tương ứng với điều kiện được miễn, nhưng phải nộp một số giấy tờ sau để chứng minh điều kiện được miễn, cụ thể là: + Trường hợp có vợ, chồng là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; nếu có cha, mẹ, con là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quan hệ hôn nhân, quan hệ cha, mẹ, con trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành. + Người mà việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: (phải là người có tài năng thực sự vượt trội trong lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục, đã dành được giải thưởng quốc tế, huân chương, huy chương hoặc được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng và có cơ sở cho thấy việc người được nhập quốc tịch Việt Nam sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam sau khi được nhập quốc tịch Việt Nam). - Người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ chứng minh:		X

	+ Đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam; + Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam và việc nhập quốc tịch đồng thời giữ quốc tịch nước ngoài là có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; + Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: Việc xin giữ quốc tịch nước ngoài của người đó khi nhập quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó. Việc thôi quốc tịch nước ngoài dẫn đến quyền lợi của người đó ở nước có quốc tịch bị ảnh hưởng.; + Bản cam kết của người đó về nội dung: Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.		
	- Giấy tờ có trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam. - Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu.		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	03 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	112 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả theo thông báo của Cơ quan có thẩm quyền Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND Thành phố Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Bộ Tư pháp		
3.6	Lệ phí		
	3.000.000 đồng. Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau:		

	- Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước CHXH Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó). - Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả
B1	Người xin nhập quốc tịch Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc địa điểm tiếp nhận hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền	Công dân	Trong giờ hành chính	Thành phần Hồ sơ theo Mục 3.2
B2	Công chức Bộ phận Một cửa kiểm tra hồ sơ: a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ thì thông báo để cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ; b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, công chức nêu rõ lý do; c) Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, ghi vào Sổ theo dõi tiếp nhận, cấp cho người nộp hồ sơ Phiếu tiếp nhận hồ sơ, số hóa hồ sơ, nhập dữ liệu vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố.	Bộ phận Một cửa	04 giờ	- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Sổ theo dõi hồ sơ
B3	Công chức Bộ phận Một cửa bàn giao hồ sơ cho công chức Phòng HCTP trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố Bộ phận tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ bản giấy cho đơn vị thụ lý theo quy định của Thành phố (không quá 08 giờ làm việc).	Công chức Bộ phận Một cửa	04 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Hồ sơ
B4	Công chức thẩm định hồ sơ: - Đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: công chức tham mưu văn bản Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết chuyển về Bộ phận Một cửa để thông báo cho cá nhân. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, hoàn chỉnh hồ sơ, tham mưu dự thảo văn bản gửi Công an Thành phố xác minh theo quy định; gửi Trưởng phòng xem xét.	Công chức Phòng HCTP	1 ngày làm việc	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Phiếu xin lỗi và hẹn ngày trả kết quả - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/Thông báo trả lại hồ sơ
B5	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo Công văn và hồ sơ: - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét.	Trưởng phòng HCTP	0,5 ngày làm việc	Dự thảo Công văn kèm theo Hồ sơ

	- Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu lý do			
B6	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký Công văn gửi Công an Thành phố; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	0,5 ngày làm việc	Công văn kèm Hồ sơ
B7	Công an Thành phố xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp	Công an Thành phố	30 ngày kể từ ngày nhận được Công văn đề nghị	Kết quả xác minh về nhân thân của người xin nhập quốc tịch Việt Nam
B8	Văn thư nhận Kết quả xác minh về nhân thân từ Công an Thành phố chuyển công chức Phòng HCTP	Văn thư	04 giờ	Xác minh nhân thân của người xin nhập quốc tịch Việt Nam
B9	Công chức tiếp nhận Kết quả xác minh về nhân thân: - Đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, công chức tham mưu văn bản Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết chuyển về Bộ phận Một cửa để thông báo cho cá nhân. - Trường hợp, hồ sơ đạt yêu cầu, hoàn chỉnh hồ sơ, tham mưu dự thảo trình Lãnh đạo phòng	Công chức Phòng HCTP	04 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/Thông báo trả lại hồ sơ
B10	Trưởng phòng xem xét hồ sơ: - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu lý do	Trưởng phòng HCTP	04 ngày	Dự thảo Tờ trình kèm theo Hồ sơ
B11	Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, ký Tờ trình UBND Thành phố; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Giám đốc Sở Tư pháp	02 ngày	Tờ trình kèm theo Hồ sơ
B12	Lãnh đạo UBND Thành phố xem xét và đề xuất gửi Bộ Tư pháp.	Lãnh đạo UBND Thành phố	10 ngày	Công văn kèm theo Hồ sơ
B13	Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch Nước xem xét, quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam	Bộ Tư pháp	20 ngày	Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam

B14	Chủ tịch Nước quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.	Chủ tịch Nước	30 ngày	Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.
B15	- Bộ Tư pháp gửi văn bản thông báo kèm theo Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam cho UBND Thành phố - Bộ Tư pháp thông báo cho Bộ Công an để chỉ đạo cơ quan Công an đăng ký cư trú, cấp Hộ chiếu Việt Nam, Căn cước công dân cho người được nhập quốc tịch Việt Nam.	Bộ Tư pháp	10 ngày làm việc	Bản sao Quyết định cho phép nhập quốc tịch Việt Nam
B16	Văn thư Sở nhận bản sao Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam chuyển đến Phòng HCTP	Văn thư Sở	04 giờ	Bản sao Quyết định cho phép nhập quốc tịch Việt Nam
B17	Công chức Phòng HCTP: - Vào Sổ theo dõi tiếp nhận hồ sơ - Dự thảo Thông báo UBND cấp xã nơi đã đăng ký khai sinh trước đây của người được nhập quốc tịch Việt Nam để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh trình Trưởng phòng HCTP. - Tổ chức Lễ trao Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam cho người được nhập quốc tịch Việt Nam.	Công chức Phòng HCTP	04 giờ	Dự thảo Thông báo gửi UBND cấp xã để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh.
B18	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo Thông báo và trình Lãnh đạo Sở ký	Trưởng phòng HCTP	04 giờ	Thông báo về việc ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh
B19	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký Thông báo, hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	04 giờ	Thông báo về việc ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh
4	BIỂU MẪU			
	Hệ thống Biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)			
	- Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2024-ĐXNQT.1). - Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện (Mẫu TP/QT-2024-ĐXNQT.2). - Bản khai lý lịch (Mẫu TP/QT- 2024 - BKLL)			

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ, chữ đệm, tênGiới tính:.....
Ngày, tháng, năm sinh:.....
Nơi sinh(2):.....
Nơi đăng ký khai sinh (3):
Quốc tịch hiện nay (4):
Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....
do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....
Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):/...../.....
Nơi cư trú:
.....
Thẻ thường trú số:.....do:.....
....., cấp..... ngày.....tháng.....năm.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được nhập quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam:

.....
.....
.....

Việc xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc diện được miễn một số điều kiện quy định tại các điểm c, d và đ khoản 1 Điều 19 Luật quốc tịch Việt Nam (5):

- Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam. ☐
- Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. ☐
- Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. ☐

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, tôi xin lấy tên gọi Việt Nam là:

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, tôi xin cam đoan trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây (nếu có) (6):

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):

.....

Nơi cư trú:

.....

Thẻ thường trú số:.....do:.....

....., cấp..... ngày..... tháng..... năm.....

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên gọi Việt Nam là:

Con thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày..... tháng..... năm.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):

.....

Nơi cư trú:

.....

Thẻ thường trú số:.....do:.....
.....,cấp..... ngày.....tháng.....năm.....

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên gọi Việt Nam là:

Con thứ:

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (7):

Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên (nếu có) ☐	Tôi tự xét thấy mình thuộc trường hợp đặc biệt để xin giữ quốc tịch hiện nay: ☐
	Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép tôi được nhập quốc tịch Việt Nam và được giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn.

Giấy tờ kèm theo:

-
-
-

....., ngày tháng năm.....

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

- (1) Ghi bằng chữ in hoa, có dấu (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).
- (2) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài).

Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

- (3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

- (4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La-tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với người không quốc tịch thì ghi rõ “không quốc tịch”.

- (5) Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với điều kiện được miễn.

- (6) Trường hợp xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng thì ghi đầy đủ thông tin của từng người con.

- (7) Đánh dấu “X” vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin nhập quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM

(Dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện)

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):
.....

Nơi sinh (2)*:

Quốc tịch*:

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú*:.....
.....

Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện:.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép người có tên sau đây được nhập quốc tịch Việt Nam.

Người xin nhập quốc tịch Việt Nam:

Họ, chữ đệm, tên (1): Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):/...../.....

Nơi cư trú:

.....

Thẻ thường trú số:.....do:.....

....., cấp..... ngày.....tháng.....năm.....

Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam:.....

.....

Việc xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc diện được miễn một số điều kiện quy định tại các điểm c, d và đ khoản 1 Điều 19 Luật quốc tịch Việt Nam (5):

- Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam. ☐

- Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. ☐

- Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. ☐

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên gọi Việt Nam là:

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (6):

Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của người được đại diện (nếu có) ☐	Tôi tự xét thấy(7) thuộc trường hợp đặc biệt để xin giữ quốc tịch hiện nay: ☐
	Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép..... (7) được nhập quốc tịch Việt Nam mà vẫn giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay của(7) không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn./.

Giấy tờ kèm theo:

....., ngày tháng năm.....

-
-
-

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa, có dấu (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(2) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài).

Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với người không quốc tịch thì ghi rõ “không quốc tịch”.

(5) Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với điều kiện được miễn.

(6) Đánh dấu “X” vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin nhập quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

(7) Ghi họ, chữ đệm, tên của người được đại diện.

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN KHAI LÝ LỊCH

(Dùng cho trường hợp giải quyết các việc về quốc tịch)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có)

Nơi làm việc:

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(ghi rõ thông tin từ trước tới nay, quá trình sinh sống, làm gì, ở đâu?)

[illegible]

TÓM TẮT VỀ NGƯỜI THÂN THÍCH

Người cha:

Họ, chữ đệm, tên*.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Quốc tịch*:

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....

Người mẹ:

Họ, chữ đệm, tên*:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Quốc tịch*:

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....

Vợ/chồng:

Họ, chữ đệm, tên*:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên:.....Giới tính*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....

Con thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên:.....Giới tính*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....
Con thứ:

Anh/chị/em ruột thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên:.....Giới tính*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....

Anh/chị/em thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên:.....Giới tính*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay*:.....

Anh/chị/em thứ:

(Nếu số lượng con/anh/chị/em ruột nhiều hơn hai thì người khai lập bổ sung khai đầy đủ thông tin của từng thành viên).

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

2. Quy trình: Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước (QT-94)

1	Mục đích		
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ Xin trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước.		
2	Phạm vi		
	Áp dụng đối với cá nhân xin trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước. Công chức Sở Tư pháp, Văn phòng UBND Thành phố thực hiện Quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13/11/2008. - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực - Chỉ thị số 06/CT-Ttg ngày 10/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ , giải pháp trọng tâm để chủ động thích ứng linh hoạt, kịp thời, phù hợp, hiệu quả với tình hình thế giới, khu vực nhằm đạt được các mục tiêu tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế trong năm 2025 và những năm tiếp theo; số 10/CT-Ttg ngày 25/3/2025 về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu Sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. - Quyết định số 2186/QĐ-UBND ngày 24/4/2025 của UBND Thành phố về việc thông qua phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tham mưu, giải quyết của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội; Quyết định số 667/QĐ-TTPVHCC ngày 28/4/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả theo thông báo của Cơ quan có thẩm quyền		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam	X	
	Giấy khai sinh		X

	Hộ chiếu		X
	Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền		X
	Bản khai lý lịch	X	
	Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam (<i>Sở Tư pháp chủ động yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu Lý lịch tư pháp cho người có yêu cầu xin trở lại quốc tịch Việt Nam trong thời gian cư trú tại Việt Nam để hoàn thiện hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã có Phiếu lý lịch tư pháp tại thời điểm nộp hồ sơ</i>); Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;	X	
	- Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ sau: a) Giấy tờ chứng minh đã được Chủ tịch nước cho thôi quốc tịch hoặc bị tước quốc tịch Việt Nam; b) Giấy tờ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp, xác nhận, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam trước đây của người đó. Trường hợp thông tin về tình trạng quốc tịch Việt Nam trước đây của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có thể khai thác được tại Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì cơ quan tiếp nhận không yêu cầu người xin trở lại quốc tịch Việt Nam nộp các giấy tờ nêu trên.		X
	- Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ sau đây: + Trường hợp có vợ, chồng là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; nếu có cha, mẹ, con là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quan hệ hôn nhân, quan hệ cha, mẹ, con trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. + Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hoặc việc trở lại quốc tịch Việt Nam là có lợi cho Nhà nước CHXHCN Việt Nam thì nộp giấy tờ tương ứng: Người có công lao đặc biệt đóng góp lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc		X

	Việt Nam phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước CHXHCN Việt Nam hoặc được Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành; Người mà việc trở lại quốc tịch Việt Nam là có lợi cho CHXHCN Việt Nam phải là người có tài năng thực sự vượt trội trong lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hoá, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục, đã dành được Giải thưởng quốc tế, Huân chương, Huy chương hoặc được Cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và Cơ quan quản lý nhà nước cấp Bộ xác nhận về tài năng và có cơ sở cho thấy việc người được trở lại quốc tịch Việt Nam sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam sau khi được trở lại quốc tịch Việt Nam; + Giấy tờ chứng minh việc thực hiện đầu tư tại Việt Nam: phải có dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy tờ chứng nhận việc đầu tư đó.		
	- Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam vì lý do đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì phải có giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp xác nhận rõ về lý do không được nhập quốc tịch nước ngoài. Trong trường hợp không được nhập quốc tịch nước ngoài là do lỗi chủ quan của người đó thì phải có văn bản bảo lãnh của một trong những người là cha, mẹ, vợ, chồng, con hoặc anh, chị, em ruột là công dân Việt Nam đang thường trú tại Việt Nam, kèm theo đơn của người đó tự nguyện về cư trú tại Việt Nam.		X
	- <i>Con chưa thành niên cùng trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ thì phải nộp bản sao Giấy khai sinh của người con hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ trở lại quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sống cùng người đó trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận của cha mẹ về việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận phải có đầy đủ chữ ký của cha và mẹ, chữ ký không phải chứng thực nhưng người đứng đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia.</i> <i>Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.</i>		X

	- Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ chứng minh: + Đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam; + Giấy tờ do Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: Việc xin giữ quốc tịch nước ngoài của người đó khi trở lại quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước đó. Việc thôi quốc tịch nước ngoài dẫn đến quyền lợi của người đó ở nước có quốc tịch bị ảnh hưởng. + Bản cam kết về nội dung: Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nước CHXHCN Việt Nam.			X
	- Giấy tờ có trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo qui định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải được dịch ra tiếng Việt; bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch.			X
	Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Đơn; Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.			X
3.3	Số lượng hồ sơ			
	03 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	82 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc địa điểm tiếp nhận hồ sơ theo thông báo của Cơ quan có thẩm quyền Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND Thành phố Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Bộ Tư pháp			
3.6	Lệ phí			
	2.500.000 đồng. Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau: - Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, CHXHCN Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó). - Người mất quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả

B1	Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc hoặc địa điểm tiếp nhận hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền, hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính	Công dân	Trong giờ hành chính	Thành phần Hồ sơ theo Mục 3.2
B2	Công chức Bộ phận Một cửa kiểm tra hồ sơ: a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ thì thông báo để cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ; b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, công chức nêu rõ lý do; c) Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, ghi vào Sổ theo dõi tiếp nhận hồ sơ, cấp cho người nộp hồ sơ Phiếu tiếp nhận hồ sơ; số hóa hồ sơ, nhập dữ liệu vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố.	Bộ phận Một cửa	04 giờ	- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Sổ theo dõi hồ sơ
B3	Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ cho công chức Phòng HCTP trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ bản giấy cho đơn vị thụ lý theo quy định của Thành phố (không quá 08 giờ làm việc).	Công chức Bộ phận một cửa	04 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Công chức thẩm định hồ sơ: - Đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: công chức tham mưu văn bản Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết chuyển về Bộ phận Một cửa để thông báo cho cá nhân. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, hoàn chỉnh hồ sơ, tham mưu dự thảo văn bản gửi Công an Thành phố xác minh theo quy định; gửi Trưởng phòng xem xét.	Công chức Phòng HCTP	01 ngày làm việc	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/Thông báo trả lại hồ sơ
B5	Trưởng phòng HCTP xem xét: - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu lý do	Trưởng phòng HCTP	0,5 ngày làm việc	Dự thảo Công văn kèm theo Hồ sơ
B6	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký Công văn gửi Công an Thành phố; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập	Lãnh đạo Sở Tư pháp	0,5 ngày làm việc	Công văn gửi Công an Thành phố kèm theo Hồ sơ

	nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu			
B7	Công an Thành phố xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp	Công an Thành phố	20 ngày	Xác minh về nhân thân người xin trở lại quốc tịch Việt Nam
B8	Văn thư Sở chuyển công chức Phòng HCTP kết quả xác minh về nhân thân của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam	Văn thư Sở	04 giờ	Kết quả xác minh về nhân thân của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam
B9	Công chức tiếp nhận Kết quả xác minh về nhân thân: - Đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, công chức tham mưu văn bản Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết chuyển về Bộ phận Một cửa để thông báo cho cá nhân. - Trường hợp, hồ sơ đạt yêu cầu, hoàn chỉnh hồ sơ, tham mưu dự thảo trình Lãnh đạo phòng	Công chức Phòng HCTP	04 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Kết quả xác minh về nhân thân của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam
B10	Trưởng phòng HCTP xem xét: - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, ký - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu lý do	Trưởng phòng HCTP	02 ngày	Dự thảo Tờ trình kèm Hồ sơ
B14	Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, ký Tờ trình UBND Thành phố; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Giám đốc Sở Tư pháp	02 ngày	Tờ trình kèm Hồ sơ
B15	Lãnh đạo UBND Thành phố xem xét đề xuất gửi Bộ Tư pháp hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam.	Lãnh đạo UBND Thành phố	05 ngày	Công văn kèm theo Hồ sơ
B16	Bộ Tư pháp kiểm tra hồ sơ, nếu xét thấy người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được trở lại quốc tịch Việt Nam thì gửi thông báo bằng văn bản cho người đó để làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài	Bộ Tư pháp	20 ngày	Thông báo để làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài
B17	Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Chính phủ ký Tờ trình trình Chủ tịch Nước xem xét, quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam.	Bộ Tư pháp		Tờ trình xem xét, quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam.
B18	Chủ tịch Nước quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam	Chủ tịch Nước	20 ngày	Quyết định
	Bộ Tư pháp gửi cho người được trở lại quốc tịch Việt Nam bản sao Quyết	Bộ Tư pháp		Bản sao Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt

B19	định và gửi 01 bản sao cho UBND Thành phố để theo dõi, quản lý, thống kê các việc quốc tịch đã giải quyết.			Nam; trích sao danh sách những người được trở lại quốc tịch
B20	Văn thư nhận Quyết định cho phép trở lại quốc tịch Việt Nam chuyển công chức Phòng HCTP	Văn thư Sở	04 giờ	Bản sao Quyết định cho phép trở lại quốc tịch Việt Nam
B21	Công chức dự thảo Công văn gửi UBND cấp huyện, UBND cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh	Công chức Phòng HCTP	04 giờ	Quyết định cho phép trở lại quốc tịch Việt Nam; trích sao danh sách những người được trở lại quốc tịch
B22	Công chức vào Sổ theo dõi, quản lý, thống kê các việc quốc tịch đã giải quyết và dự thảo thông báo UBND cấp huyện, UBND cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh và trình Trưởng phòng HCTP	Công chức Phòng HCTP	04 giờ	- Sổ theo dõi, quản lý, thống kê các việc quốc tịch đã giải quyết. - Dự thảo thông báo ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh.
B23	Trưởng phòng HCTP trình Lãnh đạo Sở ký Văn bản gửi UBND cấp huyện, UBND cấp xã để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh. hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	04 giờ	Thông báo ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh.
4	BIỂU MẪU			
	Hệ thống Biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)			
	- Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT- 2024- ĐXTLQT.1) - Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện (Mẫu TP/QT- 2024- ĐXTLQT.2) - Bản khai lý lịch (Mẫu TP/QT-2024-BKLL)			

Ảnh 4 x 6
(chụp chưa
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính* :.....
Ngày, tháng, năm sinh:
Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân đã từng được cấp (nếu có):.....
Nơi sinh (2)*:
Nơi đăng ký khai sinh (3)*:
Quốc tịch hiện nay (4):
Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....
do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....
Nơi cư trú:
.....
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):
.....
Lý do mất quốc tịch Việt Nam (5)..... (theo Quyết định số:.....ngày.....tháng..... năm..... của.....).

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được trở lại quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam:.....
.....

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, tôi xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây là:

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, tôi xin cam đoan trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây (nếu có) (6):

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính*:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân đã từng được cấp (nếu có):.....

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh (3)*:

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):

.....

Nơi cư trú:

.....

Nếu được trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên gọi Việt Nam là (7):

.....

Con thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính*:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân đã từng được cấp (nếu có):.....

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh (3)*:

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):

.....

Nơi cư trú:

.....

Nếu được trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên gọi Việt Nam là (7):

.....

Con thứ.....:

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (8):

Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên (nếu có) ☐	Tôi tự xét thấy mình thuộc trường hợp đặc biệt để xin giữ quốc tịch hiện nay: ☐
	Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép tôi được trở lại quốc tịch Việt Nam và được giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn.

Giấy tờ kèm theo:

-
-
-

....., ngày tháng năm.....

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(2) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài).

Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với trường hợp đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì ghi rõ “đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài”.

(5) Nêu rõ lý do mất quốc tịch Việt Nam. Ví dụ: đã thôi quốc tịch Việt Nam.

(6) Trường hợp xin trở lại/nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng thì ghi đầy đủ thông tin của từng người con.

(7) Trường hợp được trở lại quốc tịch Việt Nam thì lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây; trường hợp được nhập quốc tịch Việt Nam thì lựa chọn tên gọi Việt Nam.

(8) Đánh dấu “X” vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

(Dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện)

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm, tên: (1):Giới tính*:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

Nơi sinh (2)*:

Quốc tịch*:

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số:

do:, cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú *:

Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện:

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép người có tên sau đây được trở lại quốc tịch Việt Nam.

Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

Họ, chữ đệm, tên: (1):Giới tính*:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân đã từng được cấp (nếu có):

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh (3)*:

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú *:.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):

Lý do mất quốc tịch Việt Nam (5)..... (theo Quyết định số:.....ngày.....tháng.....năm.....

của.....)

Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam:.....

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây là:

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (6):

Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của người được đại diện (nếu có) ☐	Tự xét thấy việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam của(7) thuộc trường hợp đặc biệt để xin giữ quốc tịch hiện nay:
	Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép..... (7) được trở lại quốc tịch Việt Nam và được giữ quốc tịch hiện nay. Tôi cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay của(7) không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn./.

Giấy tờ kèm theo:

-
-
-

....., ngày tháng năm.....

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa, có dấu (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(2) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài).

Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì ghi rõ “đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài”.

(5) Nêu rõ lý do mất quốc tịch Việt Nam. Ví dụ: đã thôi quốc tịch Việt Nam.

(6) Đánh dấu “X” vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

(7) Ghi họ, chữ đệm, tên của người được đại diện.

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN KHAI LÝ LỊCH

(Dùng cho trường hợp giải quyết các việc về quốc tịch)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Nơi làm việc:

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(ghi rõ thông tin từ trước tới nay, quá trình sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

TÓM TẮT VỀ NGƯỜI THÂN THÍCH

Người cha:

Họ, chữ đệm, tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Quốc tịch*:

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....

Người mẹ:

Họ, chữ đệm, tên*:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Quốc tịch*:

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....

Vợ/chồng:

Họ, chữ đệm, tên*:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên:.....Giới tính*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....

Con thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên:.....Giới tính*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....
Con thứ:

Anh/chị/em ruột thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên:.....Giới tính*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):
.....

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay*:.....
.....

Anh/chị/em thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên:.....Giới tính*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):
.....

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay*:.....
.....

Anh/chị/em thứ:

(Nếu số lượng con/anh/chị/em ruột nhiều hơn hai thì người khai lập bản khai bổ sung khai đầy đủ thông tin của từng thành viên).

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.